



**CÔNG TY CP ĐẦU
CỔ PHẦN
PROPERTY ONE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2024/NQ – ĐHĐCĐ
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Công ty Cổ phần Property One.

Căn cứ biên bản họp số...../2024/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Property One ngày 22/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 01./2024/BC-HĐQT ngày 01 tháng 04 năm 2024 về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Báo cáo số 02./2024/BC-BĐH ngày 01 tháng 04 năm 2024, trong đó có các chỉ tiêu tài chính tóm lược như sau:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Chênh lệch so với kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	39.880.050.732	38.903.800.465	976.250.267
2. Các khoản giảm trừ	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	39.880.050.732	38.903.800.465	976.250.267
4. Giá vốn hàng bán	11	17.998.716.677	23.360.719.214	(5.362.002.537)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	21.881.334.055	15.543.081.251	6.338.252.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	204.488.883	17.339.420	187.149.463
7. Chi phí tài chính	22	89.002.273.029	8.907.445.009	80.094.828.020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	9.093.738.931	8.907.445.009	186.293.922
8. Chi phí bán hàng	25	161.914.224		161.914.224



9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.410.097.392	4.749.106.061	1.660.991.331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	(73.488.461.707)	1.903.869.601	(75.392.331.308)
11. Thu nhập khác	31	215.148.837	-	215.148.837
12. Chi phí khác	32	257.724.397	-	257.724.397
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(42.575.560)	-	(42.575.560)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(73.531.037.267)	1.903.869.601	(75.434.906.868)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	104.101.392	380.773.920	(276.672.528)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(73.635.138.659)	1.523.095.681	(75.158.234.340)

2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Kế hoạch năm 2024	Tình hình thực hiện năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	39.283.262.350	39.880.050.732
2. Các khoản giảm trừ	2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	39.283.262.350	39.880.050.732
4. Giá vốn hàng bán	11	18.180.972.462	17.998.716.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	21.102.289.888	21.881.334.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	188.400.000	204.488.883
7. Chi phí tài chính	22	8.795.668.546	89.002.273.029
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8.795.668.546	9.093.738.931
8. Chi phí bán hàng	25	1.660.313.859	161.914.224
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.072.677.463	6.410.097.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	4.762.030.020	(73.488.461.707)

11. Thu nhập khác	31		215.148.837
12. Chi phí khác	32	180.000.000	257.724.397
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(180.000.000)	(42.575.560)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	4.582.030.020	(73.531.037.267)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.135.900.714	104.101.392
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	3.446.129.306	(73.635.138.659)

Điều 3. Thông qua báo cáo số 03./2024/BC-BKS ngày 01.. tháng 04 năm 2024 về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty là: **-73.635.138.659 đồng (Bằng chữ: âm bảy mươi ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm lăm mươi chín đồng)**.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023.

Điều 6. Thông qua việc chi trả mức thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Thù lao 01 người/tháng	Số tháng	Tổng thù lao năm 2024 (đồng)
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	2	5.000.000	12	120.000.000
II	Ban kiểm soát				
1	Trưởng ban	1	2.000.000	12	24.000.000
2	Thành viên BKS	2	1.000.000	12	24.000.000
Tổng cộng					228.000.000

Điều 7. Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty kiểm toán có đủ năng lực để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

8.1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

01	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
02	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
03	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
04	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: - Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước - Chống ẩm các tòa nhà	4390
05	Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm (Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP)	
06	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình)	7410
07	Xây dựng nhà ở. Chi tiết: Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.	4101
08	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế, (Phụ lục IV Luật đầu tư năm 2020)	5629
09	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

8.1. Sửa đổi ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: - Dịch vụ phòng chống mối, diệt mối, khử trùng, khử mùi và xử lý côn trùng gây hại: ruồi, muỗi, kiến, gián, chuột (không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật); - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác. - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu	8129

Điều 9. Thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

Điều 10. Thông qua các nội dung của Quy chế quản trị nội Công ty

Giao Chủ tịch HĐQT của Công ty thực hiện rà soát, hoàn thiện và thay mặt ĐHCĐ ký ban hành Quy chế quản trị nội Công ty

Điều 11. Thông qua các nội dung của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Giao Chủ tịch HĐQT của Công ty thực hiện việc rà soát, hoàn thiện và thay mặt ĐHCĐ ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12. Thông qua các nội dung của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Giao Trưởng ban kiểm soát của Công ty thực hiện rà soát, hoàn thiện và thay mặt ĐHCĐ ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Điều 13. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2027 gồm các Ông/bà có tên sau:

.....

Điều 14. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2027 gồm các Ông/bà có tên sau:

.....

Điều 15. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Các Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được đọc công khai cho toàn thể cổ đông cùng nghe và 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu Văn thư.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**

Trần Chí Dũng



